

Bản án số: 127/2022/DS-ST

Ngày: 03-6-2022

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú

2. Ông Đặng Khắc Di

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng T**

Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991, địa chỉ: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Vũ Như Bích N**, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Số 13 đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn, Ngân hàng T và các bản tự khai của ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/6/2019, bà Nguyễn Vũ Như Bích N có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ JCB, số thẻ 356481 – 9777, hạn mức 100.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 17/6/2019, lãi suất áp dụng 2.6%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 95.427.500 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà N phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.951.001 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 99.573.884 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà N thanh toán các khoản nợ gồm nợ gốc là 99.573.884 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất qui định tại Hợp đồng, lãi tạm tính đến ngày 28/3/2022 là 91.259.430 đồng.

Tại phiên tòa;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai trình bày: nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền tính đến ngày 03/6/2022 là 199.506.196 đồng, trong đó nợ gốc là 99.573.884 đồng và lãi quá hạn: 99.932.312 đồng; và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên đã ký.

Bị đơn Bà Nguyễn Vũ Như Bích N vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tính đến ngày 03/6/2022 là 199.506.196 đồng, trong đó nợ gốc là 99.573.884 đồng và lãi quá hạn: 99.932.312 đồng; và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên đã ký là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn, Ngân hàng T có đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Vũ Như Bích N trả tiền vay từ hợp đồng dùng thẻ tín dụng còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng T, căn cứ Kết quả xác minh của Công an Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: bà Nguyễn Vũ Như Bích N không có thường trú, cư trú tại địa chỉ: 17 Hồng Lạc, Phường 10, quận Tân Bình và Bà N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 13 Hồng Lạc, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về người tham gia tố tụng:* Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/5/2022. Bị đơn là bà Nguyễn Vũ Như Bích N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 17/5/2022, lần thứ hai ngày 03/6/2022), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 99.573.884 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17 tháng 6 năm 2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm. Theo đó Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000 đồng cho Bị đơn với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo bảng tóm tắt sao kê nợ chưa thanh toán của khách hàng Nguyễn Vũ Như Bích N thì tính đến ngày 03 tháng 6 năm 2022 Bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 99.573.884 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 99.573.884 đồng nên Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 99.573.884 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn:*

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn căn cứ theo quy định Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hai bên đã ký 17 tháng 6 năm 2019 (lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”. Ngoài ra tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-

NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 03 tháng 6 năm 2022 là 99.932.312 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/6/2022 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về thời hạn thanh toán*: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 22 tháng 02 năm 2020, Bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

[7] Từ những căn cứ ở trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 9.975.310 đồng. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.783.825 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc bà Nguyễn Vũ Như Bích N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 03 tháng 6 năm 2022 là 199.506.196 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng*) trong đó nợ gốc là 99.573.884 đồng (*Chín mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi bốn đồng*) và lãi quá hạn là 99.932.312 đồng (*Chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

Buộc bà Nguyễn Vũ Như Bích N tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2022 cho đến khi Bà N trả hết nợ cho Ngân hàng T theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hai bên đã ký ngày 17/6/2019

và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm giữa Ngân hàng với Bà N.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Vũ Như Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.975.310 đồng (chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm mười đồng).

Hoàn lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.783.825 đồng (Hai triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069245 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Long

